TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **152**/2019/DS-PT
Ngày: 15/10/2019
V/v: T/c quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Trần Thanh Phong

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh ĐN.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN: Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện LT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2019 các quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông **NHT**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 270/9 PĐP, phường 1, quận PN, thành phố HCM.

Địa chỉ liên lạc: Số 29 đường N1, phường PH, quận 9, thành phố HCM.

- ***Bị đơn***: Ông **NVT1**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 5, xã AP, huyện LT, tỉnh ĐN.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Bà **NTLA**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 5, xã AP, huyện LT, tỉnh ĐN.

2. Ông **TVH**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 32 đường E, khu phố NĐ 2, phường DA, thị xã DA, tỉnh BD.

3. Bà **PTTH1**, sinh năm 1959 .

Địa chỉ: 22 đường HD 2, khu phố 1, phường LC, quận TĐ, thành phố HCM.

4. Ông **NVD**, sinh năm 1957.

5. Bà **LHV**, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Số 50, đường 16, khu dân cư KĐ, phường PL B, Quận 9, Tp. HCM.

6. Ông **PVN**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu CX, thị trấn LT, huyện LT, ĐN.

7. **Ủy ban nhân dân huyện LT**.

Địa chỉ: Khu Phước Hải, thị trấn LT, huyện LT, ĐN

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NHNg – Phó phòng Tài nguyên – Môi trường huyện LT (Văn bản ủy quyền số 6212/UQ-UBND ngày 18/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện LT) .

(Ông T, ông T1, bà LA, ông H có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

-Nguyên đơn ông NHT trình bày:

Năm 2008, ông nhận chuyển nhượng của bà LHV và ông NVD diện tích đất 459m2 thuộc thửa số 162 tờ bản đồ số 8, xã AP, huyện LT, sau khi nhận chuyển nhượng ông được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất bằng hình thức chỉnh lý tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 422824 do Ủy ban nhân dân huyện LT cấp ngày 24/9/2007. Sau khi nhận chuyển nhượng lại của bà LHV ông quản lý, sử dụng ổn định, đến năm 2014 ông chuẩn bị xây nhà xưởng trên diện tích đất thuộc thửa số 162 tờ bản đồ số 08 (thửa mới là 17 tờ bản đồ số 39) xã AP thì phát hiện ông NVT1 xây dựng nhà ở trên diện tích đất của ông, khi đó ông có báo chính quyền địa phương và được biết diện tích đất của ông hiện nay là thửa số 17 tờ bản đồ số 39 xã AP đã bị UBND huyện LT cấp nhầm cho ông TVH và bà PTTH1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274219 ngày 19/7/2011 và ông H, bà H1 đã chuyển nhượng lại cho ông NVT1. Ông khiếu nại ra UBND xã AP và UBND huyện LT, sau khi xem xét lại hồ sơ và kiểm tra lại hiện trạng quyền sử dụng đất, UBND huyện LT đã ban hành quyết định số 189/QĐ-UBH ngày 13/01/2014 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274219 cấp cho ông TVH và bà PTTH1 với lý do đăng ký và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai chủ sử dụng đất.

Nay ông đề nghị Tòa án buộc ông NVT1 phải trả lại diện tích đất 359m2 thuộc thửa 162 tờ bản đồ số 08 (thửa mới là 17 tờ bản đồ số 39) xã AP. Đối với căn nhà trên đất do ông NVT1 xây dựng ông đồng ý thanh toán lại giá trị căn

nhà này cho ông T1 theo giá chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá ĐN.

-Bị đơn ông NVT1 trình bày:

Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông với ông NHT có nguồn gốc là năm 2013 ông nhận chuyển nhượng lại của ông TVH và bà PTTH1, diện tích đất khoảng 359m2 thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 39 xã AP, sau khi nhận chuyển nhượng ông có tiến hành xây một căn nhà nhỏ trên đất, hiện nay ông và vợ ông là bà NTLA đang sinh sống trên diện tích đất này. Sau khi nhận chuyển nhượng của ông TVH và bà PTTH1, ông tiến hành làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết UBND huyện tiến hành thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD274219 đã cấp cho ông TVH và bà PTTH1. Việc ông nhận chuyển nhượng của ông TVH và bà PTTH1 là hợp pháp, không vi phạm pháp luật, khi tiến hành nhận chuyển nhượng ông có kiểm tra thực tế diện tích đất mới ký hợp đồng chuyển nhượng. Việc ông NHT khởi kiện yêu cầu ông phải trả lại diện tích đất nói trên là không có cơ sở và ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NTLA trình bày: Bà là vợ của anh NVT1, khi ông T1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đang tranh chấp với ông NHT thì ông bà chưa cưới. Sau khi cưới ông T1 bà mới biết ông T1 có diện tích đất này. Hiện nay vợ chồng ông bà đang sinh sống trên diện tích đất này và không có nơi nào khác sinh sống. Việc ông T1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H, bà H1 là đúng theo quy định của pháp luật nên bà thống nhất với ý kiến của ông T1 là không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông TVH trình bày: Ông và bà PTTH1 là vợ chồng nhưng đã ly hôn năm 2014, hiện nay bà H1 ở Thành phố HCM còn ông chuyển về ở DA, BD. Khoảng năm 2013 ông và bà H1 có chuyển nhượng diện tích đất 359m2 thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 39 xã AP cho ông NVT1. Nguồn gốc đất này do ông nhận chuyển nhượng của ông NVD, bà LHV vào năm 2011. Khi nhận chuyển nhượng thì thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông D thực hiện, ông và bà H1 hoàn toàn không biết diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NHT. Sau khi ông D nhờ ông Hoàng (không rõ tên tuổi, địa chỉ) làm dịch vụ thì UBND huyện LT đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông số BD 274219 ngày 19/7/2011. Việc UBND huyện LT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông và ông chuyển nhượng lại cho ông T1 là đúng theo quy định của pháp luật. Sau đó UBND huyện LT ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là không đúng. Nay ông NHT khởi kiện ông NVT1 tranh chấp quyền sử dụng đất nói trên là không đúng, việc cấp nhầm giấy chứng nhận là trách nhiệm của UBND huyện LT, ông T phải khởi kiện UBND huyện LT. Nay do tình hình sức khỏe yếu, điều kiện ở xa không đến Tòa án làm việc được nên ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà PTTH1: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc khởi kiện của ông NHT.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NVD, bà LHV trình bày:

Năm 2009 ông bà có chuyển nhượng cho ông NHT, ông NVH, bà PTTH1 nhiều diện tích đất tọa lạc tại xã AP, huyện LT, tỉnh ĐN. Tuy nhiên, do thời gian chuyển nhượng đã quá lâu nên ông bà không nhớ được chuyển cho ai thửa đất nào, diện tích bao nhiêu. Việc chuyển nhượng giữa các bên đều lập giấy tay sau đó nhờ ông NVH2g làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi UBND huyện LT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã giao lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho những người mua. Việc ông T khởi kiện ông T1, bà A tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 359m^2 thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 39 xã AP không liên quan đến ông bà, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên ký kết đều xác định rõ nguồn gốc các thửa đất mà các bên nhận chuyển nhượng và đề nghị Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông PVN trình bày:

Ông không biết ông T, ông H, bà H1 là ai, ông chỉ biết ông D, bà V vì hai người này có mua lại diện tích đất thuộc thửa số 162 tờ bản đồ số 08 xã AP của ông năm 2008. Nguồn gốc thửa đất này là của bà TTP chuyển nhượng lại cho ông và ông chuyển nhượng lại cho ông NVD và bà LHV, sau đó ông D, bà V chuyển nhượng lại cho ai ông không biết vì lúc đó sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng ông giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, bà V. Việc ông T khởi kiện ông T1 tranh chấp quyền sử dụng đất nêu trên không liên quan đến ông, nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, giữa ông với những người trong vụ án này không có liên quan gì nên ông đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử của Tòa án.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện LT do ông NHNg làm đại diện trình bày:

Diện tích đất thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 39 xã AP trước đây là thửa 162 tờ bản đồ số 8 xã AP là của ông NHT đã được Ủy ban nhân dân huyện LT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 422824 ngày 24/9/2007 nhưng sau đó lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274219 ngày 19/7/2011 cho ông TVH và bà PTTH1. Ngày 18/10/2013, UBND xã AP có tờ trình số 255/TT-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274219 đã cấp cho ông H, bà H1. Ngày 24/12/2013, phòng Tài nguyên Môi trường huyện LT có biên bản làm việc kiểm tra hiện trạng và hồ sơ liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà H1 và ông T tại xã AP, huyện LT, theo đó thống nhất do việc xét cấp giấy sai chủ sử dụng nên UBND xã AP đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274219 thửa 17 tờ bản đồ số 39 (tài liệu mới). Ngày 24/12/2013, phòng Tài nguyên Môi

trường huyện LT có tờ trình số 6063/TTr.TN-MT về việc xin thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274219 do UBND huyện LT cấp ngày 19/7/2011 cho ông TVH và bà PTTH1 trình UBND huyện LT xem xét thu hồi giấy. Ngày 13/01/2014, UBND huyện LT ban hành quyết định số 189/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274219 cấp ngày 19/7/2011 ghi tên ông TVH và bà PTTH1 lý do đăng ký và xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai chủ sử dụng đất. Ngày 14/01/2014, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐN – Chi nhánh LT chỉnh lý trang 04 đồng thời thu hồi cắt góc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274219 ngày 19/7/2011 đưa vào hồ sơ lưu trữ. Việc UBND huyện LT ban hành Quyết định số 189/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện LT đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 131, Điều 164, Điều 165, Điều 169; Điều 170 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95, Điều 98, Điều 99, Điều 106, Điều 166, Điều 168, Điều 169, Điều 179 Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NHT đối với ông NVT1 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Buộc ông NVT1 phải có trách nhiệm trả lại cho ông NHT diện tích đất 359m^2 thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 39 (thửa cũ là 162 tờ bản đồ số 08) xã AP, huyện LT được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,1 theo bản đồ hiện trạng khu đất số 6305/2017 ngày 4/5/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐN – Chi nhánh LT. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp thửa 89, phía Tây giáp thửa 18, phía Nam giáp đường khu công nghiệp Long Đức, phía Bắc giáp đất quốc phòng.

Ông NHT có trách nhiệm thanh toán giá trị căn nhà và cây xanh trên đất cho ông NVT1 là 75.913.250đ (giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 1269/TĐG-CT ngày 01/6/2017 của Công ty cổ phần thẩm định giá ĐN).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 27/9/2018 ông NVT1 có đơn kháng cáo, đề nghị bác khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo: Qua chứng cứ có trong hồ sơ có căn cứ xác định diện tích đất 359m^2 ông T kiện ông T1 tại thửa 17, tờ bản đồ số 39 xã AP chính là diện tích đất thuộc thửa cũ số 55 và 162, tờ bản đồ số 08 xã AP. Thửa 55 và 162 do ông NHT nhận chuyển nhượng của ông NVD, bà LHV hợp pháp, việc

ông TVH được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng với phần đất ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai, nên Ủy ban nhân dân huyện LT đã có quyết định thu hồi đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H.

Việc cấp sơ thẩm không thực hiện lồng ghép bản đồ địa chính là thiếu sót và đã được khắc phục ở cấp phúc thẩm. Qua lồng ghép bản đồ địa chính và trích lục hiện trạng khu đất Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐN chi nhánh LT xác định phần đất 395m^3 đang có tranh chấp thuộc thửa đất số 17 tờ bản đồ số 39 xã AP tương ứng với một phần thửa đất số 55 và một phần thửa 162 tờ bản đồ số 68 thành lập năm 1994.

Như vậy phần đất có tranh chấp là đất ông T nhận chuyển nhượng của ông NVD bà LHV hợp pháp. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NHT là đúng. Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông D, bà V, ông Ngọc, bà H1 và đại diện Ủy ban nhân dân huyện LT đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ điểm d khoản 2 điều 227 xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

Theo chứng cứ được cấp sơ thẩm thu thập và chứng cứ do cấp phúc thẩm thu thập bổ sung thể hiện, diện tích đất 359m^2 ông NHT tranh chấp với vợ chồng ông NVT1, bà NTLA tại thửa số 17, tờ bản đồ số 39 xã AP chính là phần đất thuộc thửa số 55 và 162, tờ bản đồ số 08 xã AP. Thửa 55 có nguồn gốc của bà TTP chuyển nhượng cho bà LHV, ngày 28/4/2008 bà V đã được UBND huyện LT cấp giấy chứng nhận QSD số AL 157202, diện tích 386m^2 (bl 87 đến 91); thửa 162, tờ bản đồ số 08, xã AP cũng có nguồn gốc của vợ chồng bà TTP chuyển nhượng cho ông PVN và ông Ngọc đã được UBND huyện LT cấp giấy chứng nhận QSD đất số AH 422824 ngày 24/9/2007, sau đó ông Ngọc chuyển nhượng cho ông D, bà V. Ngày 29/5/2008 ông D, bà V chuyển nhượng thửa 55, 162 cho ông NHT (bl 119 đến 121) và ông T đã được cập nhật biến động tại trang 4 của giấy chứng nhận QSD đất (bl 15,16). Tuy nhiên, ngày 19/7/2011, UBND huyện LT lại cấp giấy chứng nhận QSD đất số BD 274219 cho ông TVH, bà Phùng Tố Hà tại thửa 17, tờ bản đồ số 39, diện tích 359m^2, phần đất này trùng với một phần thửa đất số 55 và 162 của ông T. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H bà H1 không đúng, nên ngày 13/01/2014 UBND huyện LT đã có Quyết định số 189 về việc thu hồi giấy chứng nhận QSD đất này. Ông NVT1 nhận chuyển nhượng đất của ông H bà H1 ngay tình, nhưng giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông H bà H1 đã bị thu hồi và đất này thực tế

là của ông T nhận chuyển nhượng hợp pháp trước đó, đã được cấp giấy chứng nhận QSD như nhận định trên, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là đúng. Cấp sơ thẩm buộc ông T1 trả lại đất cho ông T và buộc ông T thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông T1, nhưng không tuyên ông T được sở hữu các tài sản trên đất là thiếu sót và diện tích đất tranh chấp nằm ở hai thửa đất số 55 và 162, tờ bản đồ số 08 (cũ), nên cần sửa án sơ thẩm về cách tuyên.

Việc ông T1 nhận chuyển nhượng đất của ông H bà H1, nhưng đất này là của ông T phải trả lại, nên ông T1 có quyền khởi kiện ông H bà H1 đối với hợp đồng chuyển nhượng bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông NVT1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông T1, sửa bản án dân sự sơ thẩm về cách tuyên.

Áp dụng Điều 131, Điều 164, Điều 165, Điều 169; Điều 170 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95, Điều 98, Điều 99, Điều 106, Điều 166, Điều 168, Điều 169, Điều 179 Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NHT đối với ông NVT1 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Buộc ông NVT1, bà NTLA trả lại cho ông NHT diện tích đất 359m^2 thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 39 (cắt thửa cũ số 55 và 162 tờ bản đồ số 08) xã AP, huyện LT. Đất được giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,5,6,1 theo sơ đồ lồng ghép khu đất số 6027/2019 ngày 17/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh ĐN – Chi nhánh LT.

Ông NHT được sở hữu căn nhà và các cây xanh trên đất, đồng thời phải thanh toán giá trị nhà, cây xanh cho ông NVT1 bà NTLA là 75.913.250đ (kết cấu nhà và giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá số 1269/TĐG-CT ngày 01/6/2017 của Công ty cổ phần thẩm định giá ĐN – bút lục 150-154).

Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông NVT1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng; Ông T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 006806 ngày 01/10/2018 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện LT được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm ông T1 phải chịu. Hoàn trả cho ông NVT1 số tiền còn lại là 100.000 đồng.

Ông NHT phải chịu 3.670.625 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 004633 ngày 24/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LT được khấu trừ vào án phí ông T phải chịu. Hoàn trả ông NHT số tiền còn lại là 1.329.375 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc thẩm định giá tài sản là 11.010.930 ông NHT đã nộp xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khỏan 2 điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Ngô Thanh Sỹ	**Trần Thanh Phong**	**Vũ Thị Thu**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện LT;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA